

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 06 - 02 - 2025.

V/v ly hôn giữa chị H và anh D.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Bà Đặng Ngọc Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 119, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 119, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05 tháng 11 năm 2024 nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị và anh D sau thời gian tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2016, Chị cùng anh D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh D. Chị và anh D chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Phạm T, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2019 và Nguyễn Phạm N, sinh ngày 19/12/2021. Khi ly

hôn chị H yêu cầu được nuôi hai người con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 người con.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Tiên D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Tiên D kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị H có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh D, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị H cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị H và anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 11 năm 2016. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị H và D sống ly thân, anh D được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị và anh D chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Phạm T, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2019 và Nguyễn Phạm N, sinh ngày 19/12/2021. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi hai người con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 người con.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay hai người con là do chị H nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, xét yêu cầu của chị H về việc nuôi các con chung là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 người con là không có cơ sở chấp nhận, mà chấp nhận mức cấp

dưỡng 2.205.000đ/01 người là đúng quy định (mức lương vùng theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ).

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó chị H phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng, nên anh phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Phạm T, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2019 và Nguyễn Phạm N, sinh ngày 19/12/2021 cho chị Phạm Thị Thu H nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh D, nhưng nêu anh D lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh D.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Tiến D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.205.000 đồng (*hai triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng*)/01 người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T và cháu N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Phạm Thị Thu H nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) chị

H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007437 ngày 18/11/2024, chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Buộc anh Nguyễn Tiến D nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường B, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hồ Thanh Hồng**